

Số: **51** /2025/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về phí, lệ phí
thuộc thẩm quyền quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 25**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị định số
120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số
82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và
lệ phí;*

*Xét Tờ trình số 233/TTr-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo: số 41/BC-UBND ngày 24/02/2025; số 42/BC-UBND
ngày 25/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm
tra; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận thống nhất của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về phí thuộc thẩm quyền quy
định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1. Sửa đổi, thay thế các quy định tại mục 2 phần II, Phụ lục I Nghị quyết
62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số
88/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017; khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số
131/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018; Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND
ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với mức thu Phí sử dụng công
trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa
khẩu như sau:

STT	Tên phí/ Lĩnh vực	Đơn vị tính	Mức thu
II	CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG		
2	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đường bộ và cảng Vạn Gia		
2.1	Phương tiện ra vào khu vực cửa khẩu		
-	Phương tiện dưới 16 chỗ ngồi	đồng/lượt phương tiện	40.000
-	Phương tiện từ 16 chỗ ngồi trở lên	đồng/lượt phương tiện	100.000
-	Phương tiện thủy có trọng tải dưới 50 tấn	đồng/lượt phương tiện	100.000
-	Phương tiện thủy có trọng tải từ 50 tấn trở lên	đồng/lượt phương tiện	200.000
-	Phương tiện có trọng tải dưới 10 tấn	đồng/lượt phương tiện	300.000
-	Phương tiện có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, hoặc container 20'	đồng/lượt phương tiện	400.000
-	Phương tiện có trọng tải từ 20 tấn trở lên, container 40'	đồng/lượt phương tiện	700.000
-	Phương tiện khác (chở khách, chở hàng hóa) chỉ hoạt động trong khu vực cửa khẩu, điểm thông quan, lối mở	đồng/lượt phương tiện	20.000
2.2	Phương tiện chở các loại hàng hoá: tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, hàng quá cảnh, hàng qua kho ngoại quan; nhập khẩu nguyên liệu động vật đông lạnh để gia công sản xuất xuất khẩu, nguyên liệu sản xuất thuốc lá; sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu đông lạnh.		
-	Phương tiện có trọng tải dưới 10 tấn	đồng/lượt phương tiện	1.500.000
-	Phương tiện có trọng tải từ 10 đến dưới 20 tấn và Container 20'	đồng/lượt phương tiện	2.000.000
-	Phương tiện có trọng tải từ 20 tấn trở lên và Container 40'	đồng/lượt phương tiện	4.000.000
-	Đối với các loại phương tiện khác	đồng/tấn (m3)	150.000
2.3	Hàng rượu, thuốc lá điều tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, kho ngoại quan		
-	Hàng rượu, thuốc lá điều	đồng/kiện	8.000

2. Điều chỉnh, bổ sung tại điểm 6.1.1, mục 6 Phần IV Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cụm từ và bổ sung hành trình thu phí đối với Phí thăm quan danh lam thắng cảnh trên vịnh Hạ Long như sau:

a) Tên tiêu đề: “Thăm quan không lưu trú”.

b) Sửa cụm từ “Tuyến 1, Tuyến 2, Tuyến 3, Tuyến 4, Tuyến 5” thành “Hành trình VHL 1, Hành trình VHL 2, Hành trình VHL 3, Hành trình VHL 4, Hành trình VHL 5 ” và giữ nguyên mức thu phí đã được quy định tại Nghị quyết 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Bổ sung mức thu phí thăm quan danh lam thắng cảnh đối với 03 hành trình tham quan trên vịnh Hạ Long như sau:

STT	Tên phí/lĩnh vực	Đơn vị tính	Mức thu
IV	VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH (04 khoản phí, lệ phí)		
6	Phí thăm quan danh lam thắng cảnh (đối với công trình thuộc địa phương quản lý)		
6.1	Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long		
6.1.1	Thăm quan không lưu trú		
	Hành trình VHL6: Cảng tàu - hòn Chân Voi - vụng Ba Cửa - đảo Tùng Lâm - hòn Cặp Bài (điểm cuối cùng của hành trình tiếp giáp với Gia Luận, vịnh Lan Hạ, Hải Phòng) hoặc ngược lại	đồng/lần/người/ngày	150.000
	Hành trình VHL7: Thăm quan vịnh Hạ Long theo các hành trình VHL1 + VHL2 + VHL3 + VHL4	đồng/lần/người	600.000
	Hành trình VHL8: Cảng tàu khách Tuần Châu - Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long - khu vực Nam Cầu Trắng	đồng/lần/người	70.000

- Thời gian thực hiện mức thu phí đối với 03 hành trình VHL6, VHL7, VHL8: từ ngày 01/5/2025.

3. Sửa đổi, bổ sung tại mục 11 phần V Phụ lục I, tại số thứ tự 5 Phụ lục II, tại số thứ tự 5 Phụ lục III Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tên phí, mức thu, đối tượng nộp, đối tượng thu đối với Phí thăm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, cụ thể như sau:

-Tên phí: Phí thăm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Mức thu: 9.900.000 đồng/phương án.
- Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường.
- Đơn vị thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

4. Sửa đổi tại mục 2, Phụ lục III của Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017; điểm d, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND ngày 31/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Tỷ lệ trích để lại cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, cụ thể như sau:

a) Đối với Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu

- Ban Quản lý cửa khẩu quốc tế Móng Cái: Tỷ lệ trích tối đa 20%.
- Ban Quản lý cửa khẩu Bắc Phong Sinh (Hải Hà): Tỷ lệ trích tối đa 45%.
- Ban Quản lý cửa khẩu Hoành Mô (Bình Liêu): Tỷ lệ trích tối đa 30%.

Thời gian thực hiện: Đến hết ngày 31/12/2025.

b) Đối với Phí tham quan danh lam thắng cảnh Khu di tích và danh thắng Yên Tử

- Ban quản lý Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử: Tỷ lệ trích tối đa để lại 40%.
- Thời gian thực hiện: Đến hết ngày 31/12/2025.

5. Sửa đổi tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 191/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đơn vị thu phí đối với Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và Phí đăng ký giao dịch bảo đảm như sau:

Đơn vị thu phí: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ninh và các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Điều 2. Trường hợp sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy mà tên gọi của các đơn vị được giao thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh có thay đổi, được thực hiện theo tên gọi mới trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quy định.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các sở, ngành, các đơn vị thu phí thực hiện rà soát tổng thể việc trích lập, quản lý, sử dụng đối với các khoản phí trích để lại đảm bảo công tác thu phí báo cáo trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 để xem xét, điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 và Nghị định 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 3 năm 2025. /

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh, công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ8.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh